

UBND XÃ DẦU TIẾNG
TRƯỜNG MN ĐỊNH AN

KẾT QUẢ

Cân – đo và đánh giá tình trạng dinh dưỡng trẻ
Thời điểm cân đo tháng 9 năm 2025

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

STT	Họ và tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	CN	CC	Đánh giá tình trạng dinh dưỡng									PT BT
							Suy dinh dưỡng						Thừa cân, béo phì			
							Tổng	Thể nhẹ cân	Thể thấp còi độ 1	Thể thấp còi độ 2	Trong đó mắc SDD 2 thể	Thể gầy còm	Tổng	Thừa cân	Béo phì	
6	Nguyễn Ngọc Hương	05/02/2020		x	24.5	112									x	
7	Lê Hoàng Phát	15/02/2020	x		20.2	112										x
8	Nguyễn Thanh Đức	21/09/2020	x		14.4	101										x
9	Hồ Lam Trà	11/07/2020		x	19.5	105								x		
10	Hà Lê Mẫn Nhi	12/05/2020		x	27.5	118									x	
11	Nguyễn Đăng Khoa	09/07/2020	x		19.4	107.5								x		
12	Vũ An Khang	19/03/2020	x		31	112.5									x	
13	Nguyễn Thị Ng Hân	11/07/2020		x	15.4	105.5										x
14	Đỗ Hà Vy	12/05/2020		x	20	112										x
15	Bùi Nhật Hoàng	20/02/2020	x		14.5	108		x				x				
16	Vũ Thị Thu Thảo	05/05/2020		x	16.4	107.5										x
17	Lê Thiên Phúc	03/01/2020	x		17.5	107.5										x
18	Đỗ Đức Trọng	16/04/2020	x		19.5	112.5										x
19	Dương Thị Thảo Vân	01/09/2020		x	14.6	105.5										x
20	Nguyễn Cẩm Vân	12/10/2020		x	12.5	100		x				x				x
21	Nguyễn Trung Tính	22/06/2020	x		17.6	111										x
22	Dương Anh Tuấn	12/11/2020	x		23	112										x
Tổng							20	2	11	1	3	3	37	19	18	120

Ghi chú: - Trẻ SDD thể nhẹ cân: 2/177 trẻ tỷ lệ: 1.12%
- Trẻ SDD thể thấp còi độ 1: 11/177 trẻ tỷ lệ: 6.21%
- Trẻ SDD thể thấp còi độ 2: 1/177 trẻ tỷ lệ: 0.56%
- Trẻ SDD 2 thể: 3/177 trẻ tỷ lệ: 1.69%
- Trẻ SDD thể gầy còm: 3/177 trẻ tỷ lệ: 1.69%
- Trẻ Béo phì: 18/177 trẻ tỷ lệ: 10.16%
- Trẻ thừa cân: 19/177 trẻ tỷ lệ: 10.73
- Trẻ bình thường: 120/177 trẻ tỷ lệ: 67.79%

P. HIỆU TRƯỞNG

Y TẾ



Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Trang